TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2020/DS-PT
Ngày: 22/01/2021
V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Quy

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương

2. Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Yến – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 592/2020/TLPT-DS ngày 19 tháng 11 năm 2020 về vụ án dân sự "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 379/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận N - Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6134/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20017/2020/QĐ-PT ngày 23/12/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Vũ Văn T, sinh năm 1977

2. Bà Nguyễn Thị Bạch Q, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Đường M, Khu dân cư PL, Phường L, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan C, sinh năm 1972; Địa chỉ: Đường B, Phường C, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Bị đơn:

1. Ông Phan Công H, sinh năm 1961 (có mặt)

2. Bà Lương Thị Đ, sinh năm 1954 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Đường D, phường E, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Đinh T, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: đường F, Phường G, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trần Đăng M, sinh năm 1979 thuộc Công ty Luật TNHH TD– Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Địa chỉ: đường F, Phường G, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phan Lương Trường K, sinh năm 1979 (vắng mặt)

2. Ông Phan Lương Trường X, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Đường D, Phường E, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người làm chứng:

1. Ông Lâm Sơn Y, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: 2716 Đường D, Phường E, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Vũ Phi P, sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: đường Z, Phường E, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Phan Công H, bà Lương Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đại diện nguyên đơn ông Phan C trình bày:

Ngày 04/6/2019, thông qua hai người giới thiệu, ông T bà Q có đến nhà ông H bà Đ để mua đất. Ông H bà Đ cam kết đất hoàn toàn hợp pháp, có thể xây dựng tự do, không nằm trong quy hoạch, không bị tranh chấp. Sau khi nghe ông H bà Đ cam kết như vậy thì ông T bà Q đồng ý mua mảnh đất diện tích 256,9 m^2 thuộc một phần thửa số 9,10,11 tờ bản đồ số 91 Phường E Quận N căn cứ bản đồ hiện trạng vị trí do công ty Mạnh Hùng lập ngày 05/5/2019. Ông T bà Q đã đặt cọc 50.000.000 đồng và có làm biên nhận cọc viết tay ngày 04/6/2019 do ông H ký nhận. Đến ngày 06/6/2019, ông H bà Đ có dắt ông T bà Q đến Văn phòng Thừa phát lại Quận N ký kết văn bản thỏa thuận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và lập vi bằng giao nhận tiền mua bán đất. Văn bản thỏa thuận này do ông H bà Đ lập nội dung ghi nhận về diện tích đất là 256,9 m^2, giá tiền bán là 2.878.000.000 đồng, phương thức thanh toán làm 3 đợt: đợt 1 thanh toán ngay sau khi ký văn bản thỏa thuận số tiền giao là 1.000.000.000 đồng; đợt 2 thanh toán sau thời hạn 10 ngày số tiền 500.000.000 đồng; đợt 3 ngày 06/9/2019 thanh toán 1.378.000.000 đồng. Thực hiện việc thỏa thuận ông T bà Q đã giao 1.000.000.000 đồng có lập vi bằng việc giao nhận.

Sau khi làm việc tại Thừa phát lại Quận N, vài ngày sau ông T bà Q có ra Ủy ban nhân dân Phường E Quận N để hỏi thông tin về mảnh đất đang giao dịch thì được biết cơ quan nhà nước chưa cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông H bà Đ, đất này nằm trong khu vực quy hoạch, không được phép tách thửa, không được phép xây dựng. Sau khi biết được thông tin này, ông T bà Q không muốn mua nữa vì ông H bà Đ không trung thực trong việc cung cấp thông tin pháp lý mảnh đất và yêu cầu ông H bà Đ trả lại số tiền đã nhận là 1.000.000.000 đồng. Khi thỏa thuận mua bán, ông H bà Đ chưa giao đất cho ông T bà Q.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/6/2019 là vô hiệu và buộc ông H bà Đ trả lại ông T, bà Q số tiền 1.000.000.000 đồng đã nhận. Thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Phan Công H, bà Lương Thị Đ trình bày:

Nguyên đơn trình bày việc đặt cọc 50.000.000 đồng sau đó cùng nhau ra thừa phát lại Quận N ký kết văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và lập vi bằng giao nhận đợt 1 với số tiền 1.000.000.000 đồng là đúng. Đến thời hạn giao tiền đợt 2 và đợt 3 ông T bà Q không thực hiện đúng và có thỏa thuận với ông bà về việc mua diện tích đất thấp hơn, ông bà đã đồng ý nhưng ông T bà Q vẫn khởi kiện tại Tòa.

Ngoài ra, trong văn bản chuyển nhượng có nêu rõ tình trạng pháp lý của đất mua bán, cũng thể hiện việc bên nguyên đơn biết rõ tình trạng pháp lý của diện tích đất nêu trên và đồng ý nhận chuyển nhượng. Do đó việc đất này nằm trong khu vực quy hoạch, không được phép tách thửa, không được phép xây dựng thì bên nguyên đơn phải biết trước khi mua, nguyên đơn đã đồng ý mua thì ông bà không chịu trách nhiệm về việc đó. Việc nguyên đơn trình bày là ông bà cam kết đất hoàn toàn hợp pháp, có thể xây dựng tự do, không nằm trong quy hoạch, không bị tranh chấp là không đúng vì ông bà hoàn toàn không có cam kết như vậy.

Ông bà còn trình bày thêm việc đã cắm cọc đo đạc diện tích đất để giao cho nguyên đơn nhưng vì nguyên đơn chưa thanh toán đủ tiền nên ông bà mới không giao đất. Mảnh đất này ông bà đã có giấy chứng nhận tạm thời cấp ngày 17/12/1990, tờ trình nguồn gốc đất có xác nhận của hợp tác xã Phú Lợi ngày 17/7/2018 nên việc ông bà sở hữu mảnh đất này là hoàn toàn hợp pháp.

Ngoài ra, trước đây bà Q có nhắn tin cho ông bà vào ngày 15/7/2019 để xin được chấm dứt việc mua bán vì đang kẹt tiền và xin ông bà gửi lại 850.000.000 đồng. Do đó ông T bà Q vì kẹt tiền nên không mua nữa chứ không vì lý do khác.

Ông T bà Q cho rằng đất không có giấy tờ hợp pháp là không đúng vì hợp tác xã đã cấp giấy chứng nhận tạm thời và hiện nay đã được nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân Quận N để sang tên cho ông H chứ không phải là đất không có giấy tờ.

Ông bà yêu cầu Tòa án căn cứ vào các điều khoản đã quy định trong văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/6/2019 để áp dụng,

cụ thể ông T bà Q mất toàn bộ số tiền đã giao là 1.000.000.000 đồng. Ngoài ra ông bà không còn yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Lương Trường K và Phan Lương Trường X gửi bản tự khai thể hiện ý kiến thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Phan Công H, bà Lương Thị Đ.

Người làm chứng ông Vũ Phi P trình bày: Vào khoảng đầu tháng 6 năm 2019, ông có ngồi chơi với vợ chồng bà Q, lúc đó vợ chồng bà Q có ý định mua đất nên ông có nói vợ chồng ông H có miếng đất tại khu phố 4 Phường E Quận N muốn bán giá 12.000.000 đồng/m^2. Sau khi nghe ông nói như vậy thì vợ chồng bà Q có yêu cầu ông dẫn đi xem đất. Xem đất xong ông giới thiệu qua ông Y để vợ chồng bà Q tìm hiểu về giấy tờ nguồn gốc đất. Vợ chồng bà Q đã gọi điện cho ông Y và nhờ ông Y giới thiệu đến vợ chồng ông H để thực hiện việc mua bán. Vài ngày sau ông có nghe bà Q điện thoại cho ông nói rằng đã mua được 2 nền đất và đã chồng tiền rồi. Ông chỉ biết sự việc như vậy.

Người làm chứng ông Lâm Sơn Y trình bày: Vào khoảng đầu tháng 6 năm 2019, bà Q có gọi điện thoại cho ông hỏi thăm miếng đất của vợ chồng ông H, sau đó bà Q có định mua 2 nền, ông có trả lời miếng đất có vị trí đẹp, về mặt giấy tờ thì ông H đang làm thủ tục xin cấp sổ đỏ. Sau đó vợ chồng bà Q có nhờ ông đưa đến nhà ông H. Vợ chồng bà Q bàn bạc việc mua bán đất với vợ chồng ông H. Vài ngày sau bà Q gọi điện báo cho ông là có mua đất (hai nền) giá là 11.200.000 đồng/m^2. Ông chỉ biết sự việc như vậy.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 379/2020/DS-ST ngaøy 28/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận N - Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị Bạch Q. Tuyên bố văn bản thỏa thuận ngày 06/6/2019 là vô hiệu.

Buộc ông Phan Công H, bà Lương Thị Đ phải trả lại cho ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị Bạch Q số tiền đã nhận là 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng, thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện việc thanh toán theo thỏa thuận nêu trên; thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định pháp luật tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật quy định.

Ngày 07/10/2020, ông Phan Công H và bà Lương Thị Đ có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Phan Công H và bà Lương Thị Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, tuyên buộc ông Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị Bạch Q tiếp tục thực hiện theo nội dung Văn bản thỏa thuận ngày 06/6/2019.

Nguyên đơn ông Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị Bạch Q có ông Phan C đại diện theo ủy quyền không đồng ý toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn ông H và bà Đ, yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Phan Công H và bà Lương Thị Đ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông H và bà Đ, sửa bản án sơ thẩm, tuyên buộc ông Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị Bạch Q tiếp tục thực hiện theo nội dung Văn bản thỏa thuận ngày 06/6/2019.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phan Công H và bà Lương Thị Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 379/2020/DS-ST ngaøy 28/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận N - Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 07/10/2020, bị đơn ông Phan Công H và bà Lương Thị Đ kháng cáo trong hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Phan Công H và bà Lương Thị Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, ông Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị Bạch Q đồng ý mua phần đất có diện tích 256,9m^2 thuộc một phần thửa số 9,10,11 tờ bản đồ số 91, Phường E, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Phan Công H và bà Lương Thị Đ. Sau đó, ông T và bà Q đã đặt cọc 50.000.000 đồng và có làm biên nhận cọc viết tay ngày 04/6/2019 do ông H ký nhận. Đến ngày 06/6/2019, ông H, bà Đ cùng với ông T, bà Q đến Văn phòng Thừa phát lại Quận N ký kết văn bản thỏa thuận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và lập vi bằng giao nhận tiền mua bán đất.

Như vậy, văn bản thỏa thuận ngày 06/6/2019 chính là hợp đồng hứa mua, hứa bán với bên chuyển nhượng là ông Phan Công H, bà Lương Thị Đ với bên nhận chuyển nhượng là ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị Bạch Q cùng ký kết và số tiền 1.000.000.000 đồng là tiền thanh toán đợt đầu cho việc hứa chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

[2.2] Ông Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị Bạch Q cho rằng phía ông bà không đồng ý tiếp tục thực hiện theo Văn bản thỏa thuận ngày 06/6/2019 do ông H, bà Đ không trung thực trong việc cung cấp thông tin pháp lý mảnh đất, cũng như không trung thực trong việc cam kết với nguyên đơn về tình trạng pháp lý của

mảnh đất. Tuy nhiên, theo Văn bản thỏa thuận ngày 06/6/2019 ghi nhận "…Bên B (ông T, bà Q) cam kết bên B biết rõ tình trạng pháp lý của diện tích đất nêu trên và đồng ý nhận chuyển nhượng...". Do đó, lời trình bày của nguyên đơn là không có cơ sở.

[2.3] Phía bị đơn xác nhận thửa đất thỏa thuận chuyển nhượng cho ông T, bà Q là một phần thửa 229 tờ bản đồ số 2 đã được cấp Giấy chứng nhận tạm thời quyền sử dụng ruộng đất ngày 17/12/1990 cho bà Nguyễn Thị N là mẹ ông H. Hiện nay, ông H đang làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân Quận N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H trình bày hàng thừa kế của bà N gồm có 5 người; ông là người được các đồng thừa kế đồng thuận ủy quyền khai nhận di sản của bà N. Như vậy, tại thời điểm ký văn bản thỏa thuận ngày 06/6/2019, ông H bà Đ chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, ông H bà Đ chưa đủ điều kiện thực hiện quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất căn cứ theo Điều 188 Luật đất đai năm 2013. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố Văn bản thỏa thuận ngày 06/6/2019 vô hiệu là đúng quy định của pháp luật.

Do văn bản thỏa thuận ngày 06/6/2019 là vô hiệu nên các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận căn cứ theo Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015. Ông H, bà Đ nhận tiền của ông T, bà Q nên ông H và bà Đ có trách nhiệm trả lại số tiền 1.00.000.000 đồng đã nhận cho ông T, bà Q. Quyền sử dụng đất ông H, bà Đ chưa giao cho ông T, bà Q nên không phát sinh nghĩa vụ của ông T và bà Q. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chập nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp. Tuy nhiên, ông H, bà Đ là vợ chồng cùng ký nhận tiền của ông T và bà Q nên nghĩa vụ trả tiền là nghĩa vụ liên đới. Do vậy, cần phải sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng phân tích trên.

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Phan Công H và bà Lương Thị Đ là không có cơ sở để được chấp nhận.

[2.4] Căn cứ Văn bản thỏa thuận phân chia ngày 08/6/2019 do phía bị đơn cung cấp, nội dung thể hiện việc ông Phan Công H, bà Lương Thị Đ, ông Phan Lương Trường K, ông Phan Lương Trường X đã phân chia số tiền 1.000.000.000 đồng của ông T, bà Q như sau: Ông H nhận 300.000.000 đồng, bà Đ nhận 300.000.000 đồng, ông K nhận 200.000.000 đồng và ông X nhận 200.000.000 đồng. Trong suốt quá trình thỏa thuận đến khi ký văn bản thỏa thuận ngày 06/6/2019 để chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì chỉ có ông H, bà Đ là người tiến hành với ông T, bà Q. Ông K, ông X hoàn toàn không tham gia vào quá trình giao dịch. Việc thỏa thuận phân chia số tiền 1.000.000.000 đồng đã nhận của ông T, bà Q là việc nội bộ của gia đình ông H, bà Đ. Ông K, ông X không liên quan gì đến việc giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H, bà Đ và ông T, bà Q. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm chỉ xem xét trách nhiệm giữa ông T bà Q với ông H, bà Đ là phù hợp.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực thi hành.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lương Thị Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đ. Ông Phan Công H có đơn xin miễn án phí nhưng theo luật người cao tuổi ông H chưa đủ 60 tuổi tại thời điểm xét xử nên không được chấp nhận.

Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Công H và bà Lương Thị Đ.

Sửa một phần bản án sơ thẩm:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị Bạch Q. Tuyên bố văn bản thỏa thuận ngày 06/6/2019 là vô hiệu.

Buộc ông Phan Công H, bà Lương Thị Đ có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị Bạch Q số tiền đã nhận là 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng, thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện việc thanh toán theo thỏa thuận nêu trên; thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định pháp luật tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lương Thị Đ.

Ông Phan Công H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.000.000 (Hai mươi mốt triệu) đồng.

Hoàn lại cho ông Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị Bạch Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.000.000 (Hai mươi mốt triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012222 ngày 22/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận N - Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Hoàn lại cho ông Phan Công H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0044358 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận N - Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho bà Lương Thị Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0044357 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận N - Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- TAND Quận N;
- Chi cục THADS Quận N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP (T/21).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Quy